

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 08/2021/HS-ST

Ngày: 18/6/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Bích Ân;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Minh Thông.

+ Bà Trần Thị Xuân Hiệp.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Thị Diễm My; Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà:** Ông Trần Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Đình Ph, sinh ngày: 10/7/1988 tại huyện H, tỉnh Q. Nơi cư trú: Thôn Tr, xã S, huyện H, tỉnh Q; Nghề nghiệp: nông; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Lê Đình H, sinh năm 1964 và bà Phan Thị T, sinh năm 1960; Tiền án: không; Tiền sự: ngày 22/10/2019 bị TAND huyện Hiệp Đức ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng (chấp hành xong ngày 24/7/2020). Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Thái Văn T, sinh năm: 1976; Có mặt

+ Chị Trần Thị V, sinh năm: 1988; Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Tr, xã S, huyện H, tỉnh Q.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Đình H, sinh năm: 1964; Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác: X), sinh năm: 1964. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Tr, xã S, huyện H, tỉnh Q.

+ Chị Trần Thị Th (tên gọi khác: Th1, sinh năm: 1990. Trú tại: Thôn Tr, xã S, huyện H, tỉnh Q. Văng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h00' ngày 12/01/2021, Lê Đình Ph điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92N6-9103 của ông Lê Đình H, mang theo một đèn pin đến khu vực Bà Quần thì phát hiện vườn cao su của ông Thái Văn T và bà Trần Thị V vẫn còn mủ cao su trong chén trên cây và không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Ph đi vào lán trại của ông T lấy 02 bao lát (01 bao màu vàng nhạt, 01 bao màu trắng) rồi đến vườn cao su của bà V bốc mủ cao su trong chén trên cây bỏ đầy vào 01 bao màu vàng, sau đó Ph qua khu vườn cao su của ông T tiếp tục bốc mủ cao su bỏ đầy vào bao màu trắng. Sau đó, Ph chở 02 bao mủ cao su đến nhà bà Trần Thị Th rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô quay lại vườn cao su ông T để tiếp tục bốc mủ cao su bỏ vào 02 bao lát màu trắng chở đến nhà bà Th. Tại đây, Ph và bà Th lần lượt cân 04 bao mủ cao su có tổng khối lượng 160 kg (cụ thể từng bao mủ có khối lượng: 37,2 kg (màu vàng); 34,5 kg; 46,5kg và 41,8kg), bà Th đồng ý mua với giá 13.000đồng/01 kg, bà Th trả cho Ph số tiền 2.080.000 (*Hai triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng*). Sau đó, Ph dùng số tiền bán mủ cao su trộm cắp được trả nợ cho bà H hết 1.550.000 (*Một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*) để lấy lại chiếc điện thoại Samsung Galaxy A11, số tiền còn lại Ph tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá số 03/KL-HĐĐG ngày 27/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Hiệp Đức xác định: giá trị của 04 bao mủ cao su đông (loại mủ bèo, tổng khối lượng 160 kg) là 2.080.000 đồng. Cụ thể: 01 bao mủ cao su đông có khối lượng 34,5 kg trị giá 448.500 đồng; 01 bao mủ cao su đông có khối lượng 46,5 kg trị giá 604.500 đồng; 01 bao mủ cao su đông có khối lượng 41,8 kg trị giá 543.400 đồng; 01 bao mủ cao su đông có khối lượng 37,2 kg trị giá 483.600 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Đức, bị cáo Ph đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Lê Đình Ph về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Đình Ph với mức án từ 6 đến 9 tháng tù. Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.550.000đồng; Trả lại cho ông T 03 bao mủ cao su; Tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin màu vàng đen; Trả lại cho ông Lê Đình H 01 xe mô tô BKS 92N6-9103 màu đỏ -trắng; Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A11, màu đen, có sim 0967121404. Về phần dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho bà Th số tiền 1.550.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 19h00', ngày 12/01/2021, lợi dụng sơ hở không có người trông coi vườn cao su, Lê Đình Ph len lút trộm của bà Trần Thị V 01 bao mủ cao su và trộm của ông Thái Văn T 03 bao mủ cao su. Sau đó, Ph chở 04 bao mủ cao su đến nhà chị Trần Thị Th để bán được số tiền 2.080.000 đồng (*Hai triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng*). Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Hiệp Đức xác định giá trị của 04 bao mủ cao su đông (loại mủ bèo, tổng khối lượng 160 kg) là 2.080.000 đồng (*Hai triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng*)

Hành vi trên của bị cáo Lê Đình Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tài sản hợp pháp của mọi công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở, sự mất cảnh giác của người khác để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo thật nghiêm để cải tạo, giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mẹ của bị cáo

được tặng Bằng khen vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ. Với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, xét thấy điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn, không có tài sản gì. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với hành vi của bà Trần Thị Th do không biết được tài sản do Ph trộm cắp mà có và không hứa hẹn trước nên không có căn cứ xử lý.

Đối với ông Lê Đình H là người quản lý hợp pháp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92N6-9103, khi để xe ở nhà không biết Ph lấy để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp nên không có căn cứ xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Thái Văn T không yêu cầu bồi thường thiệt hại; Người bị hại bà Trần Thị V yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 483.600 đồng (*Bốn trăm, tám mươi ba nghìn, sáu trăm đồng*), bị cáo đã bồi thường xong; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), bị cáo đã bồi thường xong nên HĐXX không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th, trước khi mở phiên tòa, bà Th và bị cáo Ph đã thỏa thuận về việc bồi thường số tiền 1.596.400 đồng (*Một triệu, năm trăm, chín mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng*), bị cáo đã bồi thường được số tiền 46.400 đồng (*Chín mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng*) số tiền còn lại 1.550.000 đồng, bị cáo Lê Đình Ph thống nhất bồi thường cho bà Th. Xét thấy sự thỏa thuận trên không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Số tiền 1.550.000 đồng (*Một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*) là số tiền thu được do hành vi phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước;

- 01 đèn pin màu vàng đen là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 xe mô tô 92N6-9103 màu đỏ - trắng, nhãn hiệu Wayman của ông Lê Đình H nên cần tuyên trao trả lại cho chủ sở hữu là ông Lê Đình H;

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, màu đen, có sim 0967121404 của bị cáo nhưng không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Lê Đình Ph;

- 03 bao chứa mủ cao su đông (34,5 kg; 46,5 kg và 41,8 kg) là tài sản của ông T nên cần tuyên trả lại cho bị hại là ông Thái Văn T.

[6] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí HS-ST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với án phí DS-ST, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước khi mở phiên tòa đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường và đề nghị Tòa án ghi nhận việc thỏa thuận trên nên áp dụng điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Lê Đình Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Lê Đình Ph 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 đèn pin màu vàng đen.

- Trả lại 01 xe mô tô 92N6-9103 màu đỏ - trắng, nhãn hiệu Wayman cho ông Lê Đình H;

- Trả lại 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, màu đen, có sim 0967121404 cho bị cáo Lê Đình Ph;

(Tất cả các vật chứng trên được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Đức và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức ngày 12/5/2021)

- Trả lại 03 bao chứa mủ cao su đông (34,5 kg; 46,5 kg và 41,8 kg) cho ông Thái Văn T.

(Vật chứng này đang được ông Thái Văn T bảo quản, quản lý theo biên bản giao lại tài sản cho chủ sở hữu giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Đức và ông Thái Văn T ngày 28/01/2021)

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 1.550.000 đồng (đã nộp vào tài khoản số 3949.0.9044075.00000 tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Đức ngày 12/5/2021)

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Ghi nhận sự thỏa thuận sau: Bị cáo Lê Đình Ph thống nhất bồi thường cho bà Trần Thị Th số tiền 1.550.000đ (Một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Lê Đình Ph phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/6/2021). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Đức;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Công an huyện Hiệp Đức ;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Đức;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Bích Ân